

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/KDTM-ST

Ngày: 15-7-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hưởng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Thảo;

2/ Bà Võ Thị Hồng Tươi.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 74/2024/TLST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH J; địa chỉ: A đường Đ, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thúy Q; địa chỉ: Số nhà D, đường Đ, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH K; địa chỉ: Khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông ZHOU ZEREN – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Có mặt ngày 10/7/2024 vắng mặt khi tuyên án ngày 15/7/2024.

2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Tổ A, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Có mặt ngày 10/7/2024 vắng mặt khi tuyên án ngày 15/7/2024.

(Theo văn bản ủy quyền nộp ngày 14/6/2024)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2023, **Công ty TNHH J (Công ty J)** và **Công ty TNHH K (Công ty K)** đã ký Hợp đồng kinh tế số 01012023 để mua bán nguyên liệu sản xuất sofa. Thực hiện đúng thỏa thuận Hợp đồng, **Công ty J** đã tiến hành giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000194 ngày 10/11/2023 cho **Công ty K**, giá trị là 1.325.501.846 đồng. Ngày 23/11/2023, **Công ty K** thanh toán cho **Công ty J** số tiền là 922.839.224 đồng thể hiện qua Giấy báo có ngày 23/11/2023 của **Ngân hàng TMCP N Chi nhánh Đ** với nội dung thanh toán là “Tra tiền cho CONG TY TNHH JIAYUE ENTERPRISE thang 11/2023, so hoa đơn 00000194, dot 1”. Ngày 17/01/2024, **Công ty J** đã gửi **T1** xác nhận công nợ cho **Công ty K**, theo đó **Công ty K** đã xác nhận còn nợ **Công ty J** số tiền nợ gốc là 402.662.622 đồng. Tiếp sau đó, ngày 20/02/2024, **Công ty K** đã gửi cho **Công ty J** xác nhận phải trả nhà cung cấp với nội dung: “Số tiền Công ty chúng tôi còn phải trả tại ngày 31/12/2023 là 402.662.622 VND” và đề nghị **Công ty J** xác nhận thư, gửi đến **Công ty TNHH K1** đang thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của **Công ty K2**. Như vậy, số tiền nợ gốc mà **Công ty K** còn phải thanh toán cho **Công ty J** là 402.662.622 đồng. Mặc dù **Công ty J** đã nhiều lần yêu cầu **Công ty K** thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng **Công ty K** vẫn không thực hiện. Ngoài ra, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 có quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Do **Công ty K** đã vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận nên **Công ty K** có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh cho **Công ty J**. **Công ty J** yêu cầu **Công ty K** thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ, tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 21.852.659 đồng. Như vậy, tổng

cộng số nợ gốc và lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày ngày 10/7/2024 Công ty K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty J là 424.515.281 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người diện hợp pháp của bị đơn, trình bày:

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận có ký kết hợp đồng kinh tế số 01012023 để mua bán nguyên liệu sản xuất sofa, thừa nhận có nhận hàng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000194 ngày 10/11/2023 tuy nhiên cho rằng hàng hóa do Công ty J bị lỗi dẫn đến khách hàng của Công ty K không thanh toán tiền hàng cho Công ty K khiến cho Công ty K thiệt hại rất lớn, do đó Công ty K không ký xác nhận nợ cho Công ty J, chữ ký tại “Thư xác nhận” ngày 17/01/2024 và “Thư xác nhận phải trả nhà cung cấp” ngày 20/02/2024 không phải của người đại diện hợp pháp của Công ty K. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Người đại diện yêu cầu giám định chữ ký để xác định có phải chữ ký của ông Z ZEREN hay không.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc, tiền lãi là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Các đương sự đều có tư cách pháp nhân, tranh chấp với nhau hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở chính tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy ngày 01/01/2023, Công ty TNHH J và Công ty TNHH K có ký Hợp đồng kinh tế số 01012023 về việc mua bán nguyên liệu sản xuất sofa. Công ty J đã tiến hành giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000194 ngày 10/11/2023 cho Công ty K, giá trị là 1.325.501.846 đồng. Theo “T1 xác

nhận” ngày 17/01/2024 của Công ty J gửi cho Công ty K có nội dung yêu cầu xác nhận số nợ 402.662.622 đồng; “Thư xác nhận phải trả nhà cung cấp” ngày 20/02/2024 của Công ty K gửi cho Công ty J có nội dung yêu cầu xác nhận nợ số tiền 402.662.622 đồng. Hai thư này đều có chữ ký của ông Zhou Z1 và dấu của Công ty K. Ngoài ra tại Giấy báo có ngày 23/11/2023 của Ngân hàng TMCP N Chi nhánh Đ có nội dung thanh toán là “Tra tien cho CONG TY TNHH JIAYUE ENTERPRISE thang 11/2023, so hoa don 00000194, dot 1”. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng do nguyên đơn giao hàng lỗi nên không xác nhận công nợ, đồng nghĩa với việc thừa nhận chưa thanh toán công nợ cho nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ gốc số tiền 402.662.622 đồng của Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000194 ngày 10/11/2023. Do đó việc giám định chữ ký theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị đơn là không cần thiết, không có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án.

[3] Xác định tiền lãi chậm thanh toán: Đối chiếu mức lãi suất cho vay của các ngân hàng tại thời điểm hiện tại thì mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp, bị đơn chậm thanh toán nên phải chịu khoản lãi chậm thanh toán theo quy định. Tại Điều 2 của Hợp đồng các đương sự thỏa thuận “Bên A sẽ giao hàng tới nhà máy của bên B, một tuần đối chiếu một lần, đối chiếu xong bên A sẽ xuất hóa đơn cho bên B, 14 ngày sau khi đối chiếu công nợ sẽ thanh toán, những đơn hàng sau sẽ thanh toán theo những điều khoản trên đơn đặt hàng. Bên B sẽ giữ lại 5% giá trị hợp đồng trong 6 tháng để đảm bảo nguyên vật liệu bên A cung cấp đảm bảo chất lượng, quy cách, kích thước đúng yêu cầu của Khách hàng bên B. Sau 6 tháng, khách hàng bên B không có bất kỳ khiếu nại liên quan tới nguyên vật liệu do bên A cung cấp, bên B sẽ thanh toán hoàn tất 5% còn lại của Hợp đồng cho bên A”. Như vậy nguyên đơn được giữ lại 5% tương ứng số tiền 66.275.092 đồng nên chỉ phải chịu lãi chậm thanh toán số tiền này từ ngày 25/5/2024. Số tiền 336.387.530 đồng phải chịu lãi chậm thanh toán từ ngày 25/11/2023. Do đó, số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là phù hợp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 257, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 24, Điều 50, 306 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH J về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH K.

- Buộc Công ty TNHH K phải thanh toán cho Công ty TNHH J 424.515.281 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn triệu năm trăm mười lăm nghìn hai trăm tám mươi một đồng) gồm tiền nợ gốc là 402.662.622 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 25/11/2023 đến ngày 10/7/2024 theo mức lãi suất 10%/năm là 21.852.659 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH K phải chịu 20.980.611 đồng (Hai mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm mười một đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH J tạm ứng án phí 10.335.668 đồng (Mười triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001327 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Hưởng**